

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- ĐẮK LẮK**

Bản án số: 76/2026/DS- ST

Ngày: 12/5/2026

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Minh;

2. Bà H’ Vina Niê Kđăm;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tùng- Thư ký Tòa án nhân dân Khu
Vực 1- Đắk Lắk;

Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu Vực 1- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà
Đào Thị Diễm Linh- Kiểm sát viên;

Ngày 12 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk
Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2025/TLST- DS ngày
09 tháng 10 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 92/2026/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2026
và hoãn phiên tòa số 114/2026/QĐST- DS ngày 23 tháng 4 năm 2026, giữa các
đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu H , sinh năm 1986 (Có mặt);

Địa chỉ: hẻm đường V, phường T , tỉnh Đắk Lắk;

Bị đơn: Ông Phạm Quốc H , sinh năm 1982 (Có mặt);

Địa chỉ: đường V, phường T, tỉnh Đắk Lắk;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Công Đ, sinh năm
1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: hẻm đường V, phường T, tỉnh Đắk Lắk;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa,
nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H trình bày có nội dung:*

Do là hàng xóm với nhau, ông H cần tiền làm ăn nên có liên hệ để vay tiền của bà nhiều lần. Đến ngày 30/11/2022, sau khi tính toán lại số tiền còn nợ, ông H có viết lại giấy mượn tiền, nội dung mượn của bà H số tiền 242.000.000 đồng, hẹn 3 tháng sau sẽ trả, về tiền lãi thì thỏa thuận bằng lời nói theo lãi suất Ngân hàng. Quá trình vay thì ông H có trả cho bà H số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*); cụ thể là chuyển khoản 02 lần, 01 lần là 100.000.000 đồng và 1 lần là 20.000.000 đồng qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà H và 01 lần chuyển khoản vào tài khoản của ông Trương Công Đ chồng bà, tuy nhiên vì thời gian đã lâu nên bà không nhớ vào tài khoản nào cụ thể. Đến nay đã quá hạn trả nợ, mặc dù đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông H vẫn chưa trả hết nợ cho bà. Quá trình làm việc trước đây bà H có khai số tiền 120.000.000đ bà đã nhận của ông H là tiền lãi, tuy nhiên đến nay bà xác định lại, đây là tiền gốc vay chứ không phải là tiền lãi.

Tại đơn khởi kiện bà H khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Phạm Quốc H phải trả số tiền nợ gốc là 242.000.000đ và lãi suất kèm theo, tuy nhiên đến nay bà H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân ông H phải trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 122.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu ông H phải trả lãi cho bà từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 01/3/2023 đến ngày xét xử, ngày 12/5/2026 theo mức lãi suất 10%/năm. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác. Đây là khoản vay riêng cá nhân của bà và ông H, không liên quan tới ai khác;

2. Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Quốc H trình bày có nội dung:

Giữa ông và Bà Phạm Thị Thu H có mối quan hệ quen biết và là hàng xóm với nhau, do ông cần tiền làm ăn nên có nhiều lần liên hệ để vay tiền của bà H. Trước thời điểm năm 2021, ông có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất bà H tính 10.000.000đ/100.000.000đ/tháng. Mỗi tháng ông trả cho bà H 20.000.000 đ tiền lãi trên tổng số tiền nợ gốc. Đối với việc trả lãi, bà H tính lãi rồi nói cho ông chuyển trả cho ông không có chứng cứ gì chứng minh việc tính lãi của bà H, nên ông cũng không có yêu cầu tính lại lãi trước đó. Đến ngày 30/11/2022 thì sau 02 tháng ông không đóng tiền lãi là 40.000.000 đồng, và ông có mượn thêm bà H thêm 2.000.000 đồng thì ông và bà H có tính toán lại tổng số tiền nợ, ông có viết lại giấy mượn tiền, nội dung mượn của bà H số tiền 242.000.000 đồng, hẹn 3 tháng sau sẽ trả. Sau đó do làm ăn không thuận lợi nên ông không còn khả năng trả lãi cho bà H được nữa. Quá trình vay tiền trước đó thì ông đã trả cho bà H rất nhiều lần thông qua tài khoản của chồng bà H là ông Trương Công Đ (Vì bà H đưa số tài khoản của ông Đ cho ông chuyển khoản). Số tiền trả nợ thì ông có sao kê, tuy nhiên nhiều khoản nên ông chưa cộng chính xác được. Sau đó ông không có khả năng trả nợ nữa nên bà H biết rõ gia cảnh của gia đình ông, bà H và ông thống nhất bà H chỉ lấy 200.000.000 đồng nợ gốc (Không lập thành văn bản, chỉ qua tin nhắn zalo) thì ông đã trả được cho bà H số tiền 120.000.000 đồng nợ gốc, cụ thể: Ngày 06/02/2024 ông trả số tiền

20.000.000 đồng cho bà H thông qua tài khoản của ông Trương Công Đ, ngày 01/7/2024 trả 100.000.000 đồng qua chuyển khoản ngân hàng vào tài khoản của bà H, tổng cộng ông đã trả cho bà H 120.000.000 đồng tiền gốc; số tiền nợ gốc còn lại là 80.000.000 đồng đến nay ông chưa trả được cho bà H. Ngoài ra khoản vay của bà H, ông còn vay ông Đ số tiền 200.000.000đ- Đã trả đủ số tiền này cho ông Đ nên không có giấy tờ gì nữa;

Đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị Thu H, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc cá nhân ông phải trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 122.000.000đ, và tiền lãi từ ngày 01/3/2023 đến nay theo mức lãi suất 10%/năm thì ông xác định đã trả cho bà H 120.000.000 đồng nợ gốc, hiện nay ông chỉ còn nợ lại bà H 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), ông sẽ trả số tiền này khi có điều kiện kinh tế, chỉ xin cho ông được trả gốc vì điều kiện kinh tế khó khăn chưa có khả năng trả nợ. Ngoài ra ông H không có yêu cầu, ý kiến gì khác.

Đây là khoản vay riêng cá nhân của ông và bà H, không liên quan tới người nào khác nên cá nhân ông sẽ trả số tiền nợ trên cho bà H. Đối với số tiền lãi trước ngày 30/11/2022 ông đã trả cho bà H thì ông có tài liệu chứng cứ gì chứng minh nên ông cũng không yêu cầu tính toán lại.

3. Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Công Đ trình bày có nội dung:

Ông Đ là chồng của Bà Phạm Thị Thu H. Khoảng tháng 8/2022 ông Đ có cho ông H vay số tiền 240.000.000 đồng, hẹn đến ngày 02/9/2022 sẽ trả số tiền trên, sau đó ông H đã trả toàn bộ 240.000.000 đồng cho ông Đ nên giấy vay tiền ông Đ đã xé bỏ, không còn lưu giữ nữa. Tại thời điểm này ông H chỉ có 01 khoản vay này với ông Đ, ngoài ra không có khoản vay nào khác. Khoản tiền vay 242.000.000 đồng giữa ông H và bà H thì ông có có liên quan gì. Đối với sao kê ông H cung cấp thì ông xác nhận là đúng. Đối với các giao dịch chuyển khoản ông H chuyển khoản vào tài khoản của ông để trả nợ trước ngày 30/11/2022 là trả cho khoản vay trước đó của ông H đã vay của ông và của vợ ông, còn các giao dịch chuyển khoản từ ngày 30/11/2022 đến nay vào tài khoản của ông và vợ ông là chuyển trả cho khoản nợ 242.000.000 đồng của bà H và 240.000.000 đồng vay riêng của ông. Ngoài ra ông không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào nội dung giấy vay tiền đề ngày 30/11/2022 do nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H cung cấp; căn cứ lời trình bày

của nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H, bị đơn ông Phạm Quốc H, người có quyền lợi liên quan ông Trương Công Đ, có căn cứ xác định ông Phạm Quốc H nhiều lần vay tiền của Bà Phạm Thị Thu H, đến ngày 30/11/2022 thì các bên thống nhất số tiền ông H còn nợ bà H là 242.000.000 đồng, hẹn 03 tháng sau sẽ hoàn trả lại số tiền trên. Sau đó ông H đã trả được số tiền 120.000.000 đồng nợ gốc, số tiền còn lại đến nay chưa trả cho bà H.

Bị đơn ông H cho rằng trong số tiền 242.000.000 đồng này có 202.000.000 đồng nợ gốc, 40.000.000 đồng tiền nợ lãi của 02 tháng. Sau đó ông H khó khăn nên thì bà H và ông thống nhất bà H chỉ lấy số tiền 200.000.000đ nợ gốc, ông đã trả được 120.000.000 đồng nợ gốc, số tiền nợ gốc còn lại là 80.000.000 đồng ông sẽ trả khi nào có điều kiện kinh tế. Tuy nhiên, nguyên đơn bà H xác định 242.000.000 đồng là tiền gốc, không đồng ý việc thống nhất với ông H việc chốt trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng; bị đơn ông H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc thống nhất thỏa thuận số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng;

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ:

Khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H. Buộc bị đơn ông Phạm Quốc H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H số tiền nợ gốc còn lại là 122.000.000 đồng và lãi suất từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 01/3/2023 đến ngày xét xử, ngày 12/5/2026 theo mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: $122.000.000 \text{ đồng} \times 1.169 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng}/30 \text{ ngày} (10\%/\text{năm}) = 39.073.425 \text{ đồng}$, làm tròn thành 39.073.000 đồng; tổng cộng là: $122.000.000 \text{ đồng} + 39.073.000 \text{ đồng} = 161.073.000 \text{ đồng}$;

Quá trình giải quyết vụ án, Bà Phạm Thị Thu H thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Phạm Quốc H trả số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng; do đó cần đình chỉ giải quyết yêu cầu này của Bà Phạm Thị Thu H;

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Phạm Quốc H có nơi cư trú tại đường V, phường T, tỉnh Đắk Lắk; đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 1- Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Công Đ đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt ông Trương Công Đ là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[3] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào nội dung giấy vay tiền đề ngày 30/11/2022 do nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H cung cấp; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H, bị đơn ông Phạm Quốc H, người có quyền lợi liên quan ông Trương Công Đ, có căn cứ xác định ông Phạm Quốc H nhiều lần vay tiền của Bà Phạm Thị Thu H, đến ngày 30/11/2022 thì các bên thống nhất số tiền ông H còn nợ bà H là 242.000.000 đồng, hạn 03 tháng sau sẽ hoàn trả lại số tiền trên. Sau đó ông H đã trả được số tiền 120.000.000 đồng nợ gốc, số tiền còn lại đến nay ông H vẫn chưa trả cho bà H;

Nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Phạm Quốc H phải trả cho bà số tiền nợ gốc còn lại là 122.000.000 đồng; đồng thời yêu cầu ông H phải trả tiền lãi của số tiền 1220.000.000 đồng nợ gốc từ ngày vi phạm, ngày 01/3/2023 đến ngày Tòa án xét xử, ngày 12/5/2026 theo mức lãi suất 10%/năm. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác;

Bị đơn ông H cho rằng trong số tiền 242.000.000 đồng này có 202.000.000 đồng nợ gốc, 40.000.000 đồng tiền nợ lãi của 02 tháng. Sau đó ông H khó khăn nên thì bà H và ông thống nhất bà H chỉ lấy số tiền 200.000.000đ nợ gốc, ông đã trả được 120.000.000 đồng nợ gốc, số tiền nợ gốc còn lại là 80.000.000 đồng ông sẽ trả khi nào có điều kiện kinh tế. Tuy nhiên, nguyên đơn bà H xác định 242.000.000 đồng là tiền gốc, không đồng ý chốt trả số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng; bị đơn ông H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc thống nhất thỏa thuận số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng;

Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H là có cơ sở chấp nhận; do đó cần buộc bị đơn ông Phạm Quốc H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H số tiền nợ gốc còn lại là 122.000.000 đồng và lãi suất từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 01/3/2023 đến ngày xét xử, ngày 12/5/2026 theo mức lãi suất 10%/năm, cụ thể: 122.000.000 đồng x 1.169 ngày x

0,83%/tháng/30 ngày (10%/năm) = 39.073.425 đồng, làm tròn thành 39.073.000 đồng; tổng cộng là: 122.000.000 đồng + 39.073.000 đồng = 161.073.000 đồng;

Quá trình giải quyết vụ án, Bà Phạm Thị Thu H thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông Phạm Quốc H trả số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng; do đó cần đình chỉ giải quyết yêu cầu này của Bà Phạm Thị Thu H;

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Quốc H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: 161.073.000 đồng x 5% = 8.053.650 đồng, làm tròn thành 8.054.000 đồng;

Nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H;

Buộc bị đơn ông Phạm Quốc H phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H số tiền 122.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu đồng*) nợ gốc và 39.073.000 đồng (*Ba mươi chín triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) nợ lãi; tổng cộng là 161.073.000 đồng (*Một trăm sáu mươi một triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng*);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H đối với yêu cầu buộc ông Phạm Quốc H trả số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*);

Về án phí:

Bị đơn ông Phạm Quốc H phải chịu 8.054.000 đồng (*Tám triệu không trăm năm mươi bốn nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Nguyên đơn Bà Phạm Thị Thu H được nhận lại 6.050.000 đồng (*Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Bà Phạm Thị Thu H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000740 ngày 11 tháng 9 năm 2025 của THADS;

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu Vực 1;
- THADS Khu Vực 1;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Diễm Hương